

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 30 - 3 - 2023

V/v tranh chấp về chia tài sản
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Ông Lê Hồng Nước.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Vũ Thị Thu Hằng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 05/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ D, ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Tấn L, sinh năm 1999; địa chỉ: Số A, đường B, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn “được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2023”; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Quỳnh H, là Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Cẩm P, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ D, ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, là Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; có mặt.

3. Người kháng cáo: Chị Trần Thị Cẩm P, là bị đơn.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Minh Q trình bày:

Vợ chồng anh Q kết hôn năm 2009 nhưng đăng ký kết hôn năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Năm 2021, chị P khởi kiện xin ly hôn anh Q tại Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Ngày 30/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh ra Bản án số 59/2021/HNGĐ-ST, nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Cẩm P, chị P được ly hôn với anh Q. Chị P được trực tiếp nuôi hai con chung Nguyễn Minh Q1 và Nguyễn Minh T, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không có yêu cầu. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có. Sau khi ly hôn anh Q và chị P nhiều lần thỏa thuận phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhưng không được.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh Q có tạo lập được các tài sản sau:

- Diện tích đất 181m² thuộc thửa số 516, tờ bản đồ số 3 tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; loại đất trồng lúa nước; thời hạn sử dụng 15/10/2063; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 059779 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 16/11/2017. Trị giá tài sản khoảng 1.848.798.000 đồng.

- Trên phần đất vợ chồng anh Q có cất 01 căn nhà cấp 4, ngang 5m, dài 30m, xây dựng năm 2019. Kết cấu khung bê tông cốt thép, mái tôn sóng vuông, vách tường, nền lát gạch Ceramic. Trị giá căn nhà và công trình xây dựng trên đất khoảng 447.878.800 đồng.

- Một sổ tiết kiệm tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng N - Phòng G, gửi tháng 5/2020, số tiền gửi 400.000.000 đồng, người đứng tên Sổ tiết kiệm là Trần Thị Cẩm P. Một sổ tiết kiệm tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Q3 - Chi nhánh Đ, gửi tháng 5/2020 với số tiền là 400.000.000 đồng, người đứng tên Sổ tiết kiệm là Trần Thị Cẩm P.

- Xe mô tô:

Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại SH150i, biển kiểm soát 66F1-447.11, do chị P đứng tên và đang quản lý sử dụng, trị giá tài sản 80.000.000 đồng.

Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại SH MODE, biển kiểm soát 66F1-936.99, do chị P đứng tên và đang quản lý sử dụng, trị giá tài sản 60.000.000 đồng.

Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE Fi, biển kiểm soát 902.09, do chị **P** đứng tên và đang quản lý sử dụng, trị giá tài sản 40.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, anh **Q** yêu cầu được nhận diện tích đất và căn nhà cấp 4 tại thửa số 516, tờ bản đồ số 3, tọa lạc **xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**; Anh **Q** đồng ý trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên là 1.148.338.500 đồng cho chị **P** và yêu cầu nhận tài sản là 03 xe mô tô gồm xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại SH150I, biển kiểm soát 66F1-447.11; xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại SH MODE, biển kiểm soát 66F1-936.99; xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE Fi, biển kiểm soát 66F1-902.09; Anh **Q** đồng ý trả lại $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản cho chị **P** với số tiền là 90.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải, anh **Q** xác định lại tài sản chung là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại SH150I, biển kiểm soát 66F1-447.11 và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Future X biển số 66F1-746.79, đều do chị **P** đứng tên quyền sở hữu và yêu cầu được nhận lại $\frac{1}{2}$ giá trị 02 Sở tiết kiệm là 400.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn **Nguyễn Minh Q** rút lại yêu cầu chia tài sản đối với toàn bộ xe mô tô do hai bên đã thỏa thuận xong, đồng thời rút lại yêu cầu chia tài sản là 01 sổ tiết kiệm tiền gửi không kỳ hạn tại **Ngân hàng N - Phòng G** và 01 sổ tiết kiệm tiền gửi không kỳ hạn tại **Ngân hàng Q3 - Chi nhánh Đ**, người đứng tên sổ tiết kiệm là chị **Trần Thị Cẩm P**.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh **Q** chỉ yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất 180,9m² thuộc thửa số 516, tờ bản đồ số 3, tại **xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** và căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 516 nêu trên. Chị **P** có nguyện vọng được nhận tài sản nên anh **Q** yêu cầu chị **P** phải có trách nhiệm trả lại cho anh $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

Đối với giá trị tài sản đang tranh chấp, anh **Q** đồng ý giá theo chứng thư thẩm định giá ngày 24/8/2022 của **Công ty cổ phần G1 - Chi nhánh H2** (gọi tắt là **Công ty Đ1**). Anh **Q** thống nhất với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 18/7/2022.

Bị đơn **Trần Thị Cẩm P**, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Chị **P** thống nhất với lời trình bày của anh **Q** về mối quan hệ hôn nhân giữa chị **P** và anh **Q**. Ngày 30/6/2021, Tòa án đã ban hành Bản án số 59/2021/HNGĐ-ST chấm dứt mối quan hệ hôn nhân giữa chị **P** và anh **Q**.

Về tài sản chung mà anh **Q** yêu cầu thì chị **P** có ý kiến như sau:

- Đối với tài sản là xe mô tô vợ chồng đã tự thỏa thuận xong, anh **Q** tự nguyện rút lại yêu cầu, chị **P** đồng ý nên không có ý kiến gì thêm.

- Đối với 01 sổ tiết kiệm tiền gửi không kỳ hạn tại **Ngân hàng N** và 01 sổ tiết kiệm tiền gửi không kỳ hạn tại **Ngân hàng Q3**, tại phiên tòa sơ thẩm anh **Q** đã rút lại yêu cầu nên chị **P** cũng không có ý kiến gì thêm.

- Đối với diện tích đất 181m² (đo đạc thực tế là 180,9m²) và căn nhà cấp 4, thuộc thửa số 516, tờ bản đồ số 3, tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp thì chị P thừa nhận đây là tài sản chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, khi chị P nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án thì vợ chồng đã tự thỏa thuận về việc chia khối tài sản chung này, anh Q đồng ý tặng cho nhà và đất cho chị P để chị P và các con ở và chị P nuôi con. Việc thỏa thuận đã xong nên anh Q lập thủ tục tặng cho toàn bộ thửa đất cho chị P, chị P cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phần diện tích đất này là tài sản riêng của chị P.

- Đối với căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 516, tờ bản đồ số 3, tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là tài sản chung của vợ chồng nhưng công sức đóng góp phần lớn là của gia đình của chị P nên anh Q đã tự nguyện thỏa thuận giao lại căn nhà cho chị P quản lý nên căn nhà cũng là tài sản riêng của chị P. Mặc dù hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không có thể hiện căn nhà trên đất nhưng thực tế căn nhà này vợ chồng đã thỏa thuận xong, anh Q đã giao lại căn nhà cho chị P quản lý và sử dụng.

Chị P xác định căn nhà và đất đều là tài sản riêng của chị P nên chị P không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của anh Q.

Đối với giá trị tài sản đang tranh chấp, chị P đồng ý với giá theo biên bản định giá ngày 09/9/2022 của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập. Chị P thống nhất biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc 18/7/2022. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 516, tờ bản đồ số 3, tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do chị P đang quản lý, không cầm cố, thế chấp cho cá nhân hoặc tổ chức nào khác.

Tại bản án sơ thẩm số: 113/2022/HNGĐ-ST ngày 22/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của anh Nguyễn Minh Q đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại SH150i, biển kiểm soát 66F1-447.11; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Future X biển số 66F1-746.79; 01 sổ tiết kiệm không kỳ hạn gửi tại Ngân hàng Q3 - Chi nhánh Đ do chị Trần Thị Cẩm P đứng tên và 01 sổ tiết kiệm không kỳ hạn gửi tại Ngân hàng N do chị Trần Thị Cẩm P đứng tên.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Minh Q về việc chia tài sản chung là diện tích đất 181m² (diện tích đo đạc thực tế là 180,9m²) thuộc thửa số 516, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 516, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chị Trần Thị Cẩm P được quyền sử dụng diện tích đất 180,9m² thuộc thửa số 516, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và căn nhà

cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 516, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8 theo sơ đồ đo đạc ngày 18/7/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ.

4. Buộc chị Trần Thị Cẩm P phải có nghĩa vụ trả cho anh Q $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản tương đương với số tiền là 1.148.338.500 đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.120.171 đồng, chi phí định giá tài sản với tổng số tiền là 18.600.000 đồng, tổng cộng là 22.720.171 đồng. Anh Nguyễn Minh Q và chị Trần Thị Cẩm P mỗi người phải chịu số tiền 11.360.085 đồng, anh Q đã nộp tạm ứng với tổng số tiền là 22.120.171 đồng, chị P đã nộp tạm ứng 600.000 đồng. Chị Trần Thị Cẩm P phải có trách nhiệm nộp số tiền là 10.760.085 đồng để trả lại cho anh Nguyễn Minh Q.

6. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

7. Về án phí:

- Anh Nguyễn Minh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 46.450.155 đồng (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 19.050.000 đồng mà anh Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009378 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh Q còn phải nộp tiếp số tiền 27.400.155 đồng.

- Chị Trần Thị Cẩm P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 46.450.155 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Các ngày 05, 06 tháng 12 năm 2022, bị đơn Trần Thị Cẩm P kháng cáo yêu cầu chấp nhận kháng cáo của chị P, sửa một phần bản án sơ thẩm số: 113/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Không chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất của anh Nguyễn Minh Q đối với diện tích đất 180,9m², thuộc thửa số 516, tờ bản đồ số 3, tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do chị P đứng tên quyền sử dụng đất. Chị P không đồng ý chịu án phí với số tiền 46.450.155 đồng và 10.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá. Xem xét giải quyết lại giá trị nhà và đất mà Công ty cổ phần G1 - Chi nhánh H2 đã định. Chị P đồng ý với giá trị nhà và đất của Hội đồng định giá mà Tòa án cấp huyện thành lập.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp kháng nghị một phần bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST ngày 22/11/2022 của Tòa

án nhân dân huyện Cao Lãnh về phần nội dung vụ án theo hướng xác định diện tích 181m² (đo đạc thực tế 180,9m² theo sơ đồ đo đạc ngày 18/7/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ) thuộc thửa số 516, loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là tài sản riêng của chị Trần Thị Cẩm P. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Q. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Minh Q trình bày là anh Q không rút đơn khởi kiện.

Bị đơn Trần Thị Cẩm P xin rút kháng cáo về chi phí tố tụng, chị P đồng ý trả lại anh Quân số tiền 10.760.085 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm. Về giá tài sản tranh chấp, chị P đồng ý với giá tài sản mà Công ty cổ phần G1 - Chi nhánh H2 đã định. Về án phí thì chị P rút một phần kháng cáo, đồng ý chịu án phí sơ thẩm đối với giá trị căn nhà chị P được chia, về án phí sơ thẩm đối với đất thì đề nghị giải quyết theo quy định. Chị P kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là ½ giá trị đất của anh Nguyễn Minh Q đối với diện tích đất 181m², đo đạc thực tế 180,9m², thuộc thửa số 516, tờ bản đồ số 3, tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do chị P đứng tên quyền sử dụng đất vì đây là tài sản riêng của chị P.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày là Viện kiểm sát không rút kháng nghị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo Trần Thị Cẩm P trình bày nội dung kháng cáo và căn cứ của việc kháng cáo: Vợ chồng chị P và anh Q có tạo lập được thửa đất 516 đang tranh chấp, nhưng trong thời kỳ hôn nhân anh Q đã tặng cho đất cho chị P, có hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực và chị P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đây là tài sản riêng của chị P. Chị P không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của anh Q nên đã kháng cáo bản án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm chị P giữ nguyên kháng cáo.

Bị đơn Trần Thị Cẩm P không bổ sung ý kiến, chị P đồng ý với kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh.

Kiểm sát viên trình bày nội dung kháng nghị và các căn cứ của việc kháng nghị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Minh Q trình bày ý kiến: Anh Q không đồng ý với kháng cáo của bị đơn Trần Thị Cẩm P và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Minh Q không bổ sung ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo Trần Thị Cẩm P trình bày: Chị P và anh Q đã ly hôn theo Bản án số 59/2021/HNGĐ-ST

ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Thời gian còn sống chung, vợ chồng chị P và anh Q có tạo lập được thửa đất số 516, tờ bản đồ số 3, tại xã P, huyện C, do anh Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2017. Đến năm 2019 thì vợ chồng chị P, anh Q xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất. Trước khi ly hôn, anh Q2 đã tặng cho thửa đất 516 cho chị P vào ngày 17/3/2021 và chị P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/4/2021. Sau khi lập thủ tục tặng cho đất, anh Q đã ra ngoài sinh sống. Xét thấy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất phù hợp với quy định pháp luật nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh Q, buộc chị P chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất cho anh Q là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị Cẩm P. Về những nội dung kháng cáo khác, chị P có rút một phần kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo quy định.

Chị Trần Thị Cẩm P không bổ sung ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Minh Q trình bày tranh luận: Thửa đất số 516 là tài sản chung của vợ chồng anh Q, chị P. Trước khi tặng cho thửa đất 516 là tài sản chung của vợ chồng. Do là vợ chồng nên việc vợ chồng thỏa thuận anh Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vẫn là tài sản chung của vợ chồng. Đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không ghi nhận anh Q tặng cho $\frac{1}{2}$ thửa đất số 516, trong khi $\frac{1}{2}$ thửa đất này là của chị P nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 516 không đảm bảo nên việc anh Q trình bày thửa đất số 516 vẫn là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ. Do đó việc anh Q yêu cầu chia tài sản chung là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét không chấp nhận kháng cáo của chị P, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Minh Q không bổ sung ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Minh Q phát biểu về tính hợp pháp, tính có căn cứ của kháng nghị: Anh Q không đồng ý với kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Minh Q không bổ sung ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Trần Thị Cẩm P phát biểu về tính hợp pháp, tính có căn cứ của kháng nghị: Đối với quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, chị P đồng ý.

Chị P không bổ sung ý kiến.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về những vấn đề người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vừa nêu: Thửa đất số 516 đã được anh Q xác lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị P, chị P đã

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không có văn bản nào xác định thửa đất 516 chỉ **P** đứng tên nhưng vẫn còn là tài sản chung của vợ chồng. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 516 trong thời kỳ hôn nhân giữa anh **Q** và chị **P** đã có giá trị pháp lý. Căn cứ quy định của pháp luật thì thửa đất 516 đang tranh chấp không còn là tài sản chung của vợ chồng anh **Q**, chị **P** mà là tài sản riêng của chị **P**.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Đơn kháng cáo của chị **Trần Thị Cẩm P** và kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đúng thời hạn luật định nên hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị **P** rút kháng cáo về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và đồng ý với bản án sơ thẩm, rút một phần kháng cáo về án phí sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo quy định. Về giá tài sản tranh chấp, chị **P** đồng ý với giá tài sản mà Công ty cổ phần G1 - Chi nhánh H2 đã định. Về nội dung, căn cứ vào quy định của pháp luật thì thửa đất số 516 do chị **P** đứng tên ngày 06/4/2021 không còn là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh **Q** và chị **P**, mà là tài sản riêng của chị **P** nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh **Q** đối với thửa 516 là chưa phù hợp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị **Trần Thị Cẩm P**, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh. Sửa một phần bản án sơ thẩm. Về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của chị **Trần Thị Cẩm P** và kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đầy đủ thành phần những người tham gia tố tụng, thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị **P** xin rút kháng cáo về chi phí tố tụng, chị **P** đồng ý trả lại anh Quân số tiền 10.760.085 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm; chị **P** xin rút một phần kháng cáo về án phí, chị **P** đồng ý chịu án phí sơ thẩm đối với giá trị căn nhà mà chị **P** được chia theo quyết định của bản án sơ thẩm. Xét thấy việc rút một phần kháng cáo của chị **P** là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phần kháng cáo mà chị **P** đã rút.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn **Trần Thị Cẩm P**, kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4.1] Chị **Trần Thị Cẩm P** và anh **Nguyễn Minh Q** đã ly hôn theo bản án sơ thẩm số 59/2021/HNGĐ-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao

Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Khi ly hôn, về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4.2] Sau khi ly hôn, anh **Q** tranh chấp về chia tài sản đối với thửa 516, tờ bản đồ số 3, diện tích 181m² (đo đạc thực tế 180,9m²), loại đất ở nông thôn tại xã **P**, huyện **C**, tỉnh **Đồng Tháp**; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị **Trần Thị Cẩm P** ngày 06/4/2021. Anh **Q** xác định thửa đất 516 trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh **Q** và chị **P** nên yêu cầu chia đôi tài sản, đồng ý chị **P** nhận đất và phải hoàn trả ½ giá trị tài sản cho anh **Q**. Chị **P** cho rằng đất đang tranh chấp là tài sản riêng của chị **P** do anh **Q** đã tặng cho chị **P** trong thời kỳ hôn nhân nên không đồng ý chia đôi tài sản theo yêu cầu của anh **Q**. Các đương sự thống nhất giá trị đất là 1.848.798.000 đồng.

[4.3] Anh **Q** và chị **P** thống nhất thửa đất 516 do vợ chồng nhận chuyển nhượng đất vào năm 2017, khi đó vợ chồng thống nhất để anh **Q** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 16/11/2017 anh **Q** được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 516. Đến năm 2019, vợ chồng chuyển mục đích sử dụng đất từ CLN sang ONT, về căn nhà trên đất được vợ chồng xây dựng năm 2019 nhưng chưa đăng ký quyền sở hữu nhà ở. Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình quy định năm 2014: Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng. Do thửa đất 516 do anh **Q** đứng tên ngày 16/11/2017 cùng nhà ở cấp 4 trên đất được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của anh **Q** và chị **P** nên việc các đương sự thống nhất là tài sản chung của vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.4] Đến ngày 17/3/2021, anh **Q** tự nguyện lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 516, tờ bản đồ số 3, diện tích 181m² do anh **Q** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/11/2017 cho chị **P**, hợp đồng được UBND xã **P**, huyện **C**, tỉnh **Đồng Tháp** chứng thực và ngày 06/4/2021 chị **Trần Thị Cẩm P** được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 516 đang tranh chấp. Điều 43 Luật Hôn nhân gia đình quy định năm 2014 quy định: “Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản được chia riêng cho vợ, chồng theo quy định tại các điều 38, 39 và 40 của Luật này; tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ, chồng và tài sản khác mà theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng; ...”. Xét thấy việc giao kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 516 giữa bên tặng cho là anh **Nguyễn Minh Q** và bên được tặng cho là chị **Trần Thị Cẩm P** hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc, hợp đồng được UBND xã **P** chứng thực ngày 17/3/2021 phù hợp với Điều 188 Luật đất đai năm 2013, Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 516 cho chị **P** là đúng quy định pháp luật.

[4.5] Căn cứ quy định của pháp luật, thì thửa đất số 516 không còn là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh Q và chị P, bởi vì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã có giá trị pháp lý. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh Q trình bày lý do xác lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 516 cho chị P là vì anh Q đi làm ăn xa, vợ chồng ai đứng tên cũng là tài sản chung, trường hợp anh Q có gặp sự cố thì cũng không bị xử lý tài sản do tính chất công việc của anh Q hơi phức tạp, việc chồng tặng cho vợ không phải tốn phí và sau khi ly hôn anh Q, chị P vẫn sống chung tại căn nhà đang tranh chấp đến tháng 4/2022 nên thửa đất 516 vẫn là tài sản chung của anh Q và chị P. Tuy nhiên lời trình bày của anh Q không được chị P thừa nhận, mà cho rằng trước khi chị P và anh Q ly hôn thì vợ chồng có thỏa thuận anh Q giao lại đất, nhà cho P bằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để chị P có điều kiện nuôi con sau khi ly hôn, sau khi vợ chồng ly hôn thì anh Q không sinh sống tại đất, nhà đang tranh chấp. Thực tế anh Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất số 516 do chị P đứng tên vẫn là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh Q và chị P nên việc chị P trình bày thửa đất 516 là tài riêng của chị P là có cơ sở. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của anh Q về việc chia tài sản chung là diện tích đất 181m² (đo đạc thực tế 180,9m²) thuộc thửa đất số 516, tờ bản đồ số 3, tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Chị P được quyền sử dụng diện tích đất 180,9m², thuộc thửa số 516, tờ bản đồ số 3 và phải có nghĩa vụ trả cho anh Q ½ giá trị thửa đất số 516 là chưa phù hợp. Vì vậy kháng cáo của chị P yêu cầu không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là ½ giá trị đất của anh Q đối với diện tích đất 181m², đo đạc thực tế 180,9m², thuộc thửa số 516, tờ bản đồ số 3, do chị P đứng tên quyền sử dụng đất và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xác định diện tích 181m² (đo đạc thực tế 180,9m²) thuộc thửa số 516, loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 3, tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là tài sản riêng của chị Trần Thị Cẩm P; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Q, sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn do chưa phù hợp như đã nhận định trên nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn do phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị xem xét việc chị P rút một phần kháng cáo tại phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị Cẩm P, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Q, xác định diện tích đất 181m² (đo đạc thực tế 180,9m²) thuộc thửa số 516, loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 3, tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là tài sản riêng của chị Trần Thị Cẩm P do phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm:

Đối với phần Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung thì anh **Q** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (chưa bao gồm án phí về chia tài sản chung đối với nhà ở trên đất tương ứng với phần tài sản mà anh **Q** được chia).

Chị **P** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với thửa đất số 516 (chưa bao gồm án phí về chia tài sản chung đối với nhà ở trên đất tương ứng với phần tài sản chị **P** được chia).

[9] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên chị **P** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo về chi phí tố tụng (chị **P** đồng ý trả lại anh Quân số tiền 10.760.085 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản theo quyết định của bản án sơ thẩm), về án phí (chị **P** đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị căn nhà mà chị **P** được chia theo quyết định của bản án sơ thẩm) do chị **Trần Thị Cẩm P** rút kháng cáo.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Trần Thị Cẩm P**.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 113/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Nguyễn Minh Q** về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 181m² (đo đạc thực tế 180,9m²) thuộc thửa đất số 516, tờ bản đồ số 3, tại **xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị **Trần Thị Cẩm P** ngày 06/4/2021.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Anh **Nguyễn Minh Q** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 516 do chị **P** đứng tên quyền sử dụng đất (chưa bao gồm án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là căn nhà tương ứng với giá trị phần mà anh **Q** được chia 223.939.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm mà anh **Q** phải chịu là 11.197.000 đồng). Hoàn trả cho anh Quân số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.050.000 đồng theo biên lai số 0009378 ngày

16/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (chưa bao gồm 11.197.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là căn nhà tương ứng với giá trị phần mà anh **Q** được chia 223.939.000 đồng).

2.2. Chị **Trần Thị Cẩm P** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản đối với thửa đất số 516 do chị **P** đứng tên quyền sử dụng đất (chưa bao gồm án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là căn nhà tương ứng với giá trị phần mà anh **P** được chia 223.939.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm mà chị **P** phải chịu là 11.197.000 đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Chị **Trần Thị Cẩm P** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho chị **P** tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0014782 ngày 06/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- CCTHADS huyện Cao Lãnh;
- Phòng GDKTNV-THA;
- Lưu: VT, HS (Minh)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thúy Hằng